Sở Tài chính, Tỉnh Quảng Trị
29.01.2021 16:54:30 +07:00

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 248 /STC-TCHCSN

V/v Tham gia ý kiến Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị , ngày 29 tháng 01 năm 2021*

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành;
- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Biên tập Công thông tin điện tử tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Sở Tài chính dự thảo quy định Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026 *(dự thảo văn bản được đăng tải trên trang thông tin điện tử http://stcquangtri.gov.vn)*

Đề nghị Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến, gửi Sở Tài chính trước ngày 19/2/2021 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành.

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, địa phương phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Phòng TC-KH các huyện, tx, tp;
- GĐ, PGĐ Sở;
- Phòng QLNS;
- Lưu: VT, TC HCSN.

**KT.GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X. H. C. N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH QUẢNG TRỊ

**Lê Thị Hải Hà**

| | |
|---|---|
| UBND TỈNH QUẢNG TRỊ<br>**SỞ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-STC | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

# TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 20 ban hành Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:.

## I. SỰ CẦN THIẾT

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và các văn bản liên quan;

### 2. Sự cần thiết

Ngày 17/11/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 133/2020/QH14 về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là ngày 23/5/2021. Thực hiện Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2015; Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 quy định: *Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư này: Căn cứ mức kinh phí quy định tại Điều 3 Thông tư này, căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân*

*đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Uỷ ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.*

Để các cơ quan, đơn vị, địa phương có cơ sở pháp lý xây dựng dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bầu cử kịp thời, đúng quy định; việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026 là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và đúng quy định.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

### 1. Mục đích

Làm cơ sở cho các tổ chức phụ trách bầu cử, cơ quan, đơn vị, địa phương, xây dựng dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở tỉnh Quảng Trị kịp thời và đúng quy định.

### 2. Quan điểm xây dựng

- Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026 theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

- Mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Giao cho Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành có liên quan, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổng hợp ý kiến góp ý, gửi Sở Tư pháp thẩm định hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy trình).

## IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều được bố cục như sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Nghị quyết này áp dụng cho các đối tượng:

Các tổ chức phụ trách bầu cử, cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Quy định mức chi**

1. Chi tổ chức hội nghị

- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Riêng các hội nghị do Ủy ban bầu cử các cấp tổ chức, mức chi bồi dưỡng cho đại biểu, khách mời dự hội nghị:

+ Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/ngày.

+ Cấp huyện, cấp xã: 60.000 đồng/người/ngày.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

+ Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác *(không bao gồm các cuộc họp quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này)*:

+ Chủ trì: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên: 50.000 đồng/người/buổi;

+ Đối tượng phục vụ: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban bầu cử và Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Chi bồi dưỡng:

+ Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên chính thức: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp: 50.000 đồng/người/buổi; phục vụ gián tiếp *(lái xe, bảo vệ lãnh đạo)*: 30.000 đồng/người/buổi;

- Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử và các Bộ, ngành Trung ương: 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Chi xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/báo cáo.

+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản, chi công tác báo cáo bầu cử:

a) Chi xây dựng văn bản (chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn):

- Xây dựng văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): cấp tỉnh 1.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện 500.000 đồng/văn bản; cấp xã 200.000 đồng/văn bản;

- Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

b) Chi công tác báo cáo bầu cử:

- Báo cáo tổng kết bầu cử:

+ Mức chi xây dựng báo cáo (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): cấp tỉnh 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã 500.000 đồng/báo cáo;

+ Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản;

- Các báo cáo khác (tính đến sản phẩm cuối cùng): cấp tỉnh 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 200.000 đồng/báo cáo; cấp xã 100.000 đồng/báo cáo.

5. Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho người trực tiếp phục vụ bầu cử:

5.1. Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử:

a) Chi bồi dưỡng theo mức khoán/tháng

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử và ủy viên Ủy ban bầu cử được phân công làm công tác tổng hợp:

+ Cấp tỉnh: 1.100.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 600.000 đồng/người/tháng;

- Ủy viên Ủy ban bầu cử và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: 600.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 400.000 đồng/người/tháng;

Thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ.

b) Đối với các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp không quá 15 ngày: 50.000 đồng/người/ngày;

- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp trên 15 ngày: 1.000.000 đồng/người/tháng.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)

- Các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: 150.000 đồng/người/ngày;

- Đối với lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử còn lại: 80.000 đồng/người/ngày.

5.2. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại

a) Cấp tỉnh

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh và ủy viên Ủy ban bầu cử tỉnh được phân công làm công tác tổng hợp: 300.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Uỷ ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 250.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng.

b) Cấp huyện, cấp xã

Mức khoán hỗ trợ cước điện thoại cho thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: 200.000 đồng/người/tháng.

c) Thời gian hỗ trợ cước điện thoại được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ.

6. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

- Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 40.000 đồng/người/buổi.

7. Chi đóng hòm phiếu

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu.

8. Chi khắc dấu

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa: 250.000 đồng/dấu.

9. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

10. Chi trang trí khu vực bỏ phiếu: 800.000 đồng/địa điểm.

11. Các nội dung chi khác chưa quy định cụ thể: Thực hiện theo các quy định hiện hành và thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Người đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau thì được thanh toán một mức bồi dưỡng, mức khoán, hỗ trợ cao nhất.

Những nội dung khác liên quan đến công tác lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

**Điều 3. Nguồn kinh phí**

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Căn cứ mức chi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở ngân sách Trung ương đảm bảo, tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Ngoài kinh phí được ngân sách cấp bổ sung, các cơ quan, đơn vị sắp xếp, sử dụng một phần kinh phí từ nguồn chi thường xuyên năm 2021 đã được giao để hỗ trợ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây còn sử dụng được, huy động các phương tiện được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính, Nghị quyết này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Các công việc đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, các địa phương căn cứ mức chi này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày...tháng…năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng …. năm 2021.

**V. Triển khai thực hiện**

Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

1. Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ *(ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác)*, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí theo đúng chế độ quy định hiện hành.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị liên quan triển khai thực hiện công tác bầu cử gắn với mức chi và kinh phí được giao theo quy định.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm

- Hướng dẫn các đơn vị liên quan lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đúng theo quy định pháp luật; đảm bảo quản lý chặt chẽ, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả;

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí bầu cử cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách cấp trên đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách địa phương. UBND các huyện, UBND thị xã, thành phố và huyện đảo Cồn Cỏ báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để phục vụ công tác bầu cử;

- Căn cứ kinh phí bầu cử do ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, mức chi phục vụ bầu cử do UBND tỉnh quy định, khả năng ngân sách và tình hình thực tế địa phương, UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định mức chi phù hợp.

5. Kết thúc hoạt động bầu cử, trong vòng 60 ngày, các Sở, Ban ngành, đơn vị, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử về Ủy ban bầu cử tỉnh, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

*(Kèm theo Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và một số tài liệu liên quan khác).*

Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, thông qua chủ trương xây dựng Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026 để triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***
- Như trên ;
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc, Phó GĐ;
- Lưu VT, QLNS, TCHCSN;

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Hải Hà**

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

# TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 20 ban hành Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026.

## I. SỰ CẦN THIẾT

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và các văn bản liên quan;

### 2. Sự cần thiết

Ngày 17/11/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 133/2020/QH14 về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là ngày 23/5/2021. Thực hiện Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2015; Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 quy định: *Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư này: Căn cứ mức kinh phí quy định tại Điều 3 Thông*

*tư này, căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Uỷ ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.*

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

### 1. Mục đích

Làm cơ sở cho các tổ chức phụ trách bầu cử, cơ quan, đơn vị, địa phương, xây dựng dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở tỉnh Quảng Trị kịp thời và đúng quy định.

### 2. Quan điểm xây dựng

- Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026 theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

- Mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Giao cho Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành có liên quan, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổng hợp ý kiến góp ý, gửi Sở Tư pháp thẩm định hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy trình).

## IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều được bố cục như sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Nghị quyết này áp dụng cho các đối tượng:

Các tổ chức phụ trách bầu cử, cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Quy định mức chi**

1. Chi tổ chức hội nghị

- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Riêng các hội nghị do Ủy ban bầu cử các cấp tổ chức, mức chi bồi dưỡng cho đại biểu, khách mời dự hội nghị:

+ Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/ngày.

+ Cấp huyện, cấp xã: 60.000 đồng/người/ngày.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

+ Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác *(không bao gồm các cuộc họp quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này)*:

+ Chủ trì: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên: 50.000 đồng/người/buổi;

+ Đối tượng phục vụ: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban bầu cử và Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Chi bồi dưỡng:

+ Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên chính thức: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp: 50.000 đồng/người/buổi; phục vụ gián tiếp *(lái xe, bảo vệ lãnh đạo)*: 30.000 đồng/người/buổi;

- Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử và các Bộ, ngành Trung ương: 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Chi xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/báo cáo.

+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản, chi công tác báo cáo bầu cử:

a) Chi xây dựng văn bản (chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn):

- Xây dựng văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): cấp tỉnh 1.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện 500.000 đồng/văn bản; cấp xã 200.000 đồng/văn bản;

- Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

b) Chi công tác báo cáo bầu cử:

- Báo cáo tổng kết bầu cử:

+ Mức chi xây dựng báo cáo (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): cấp tỉnh 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã 500.000 đồng/báo cáo;

+ Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản;

- Các báo cáo khác (tính đến sản phẩm cuối cùng): cấp tỉnh 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 200.000 đồng/báo cáo; cấp xã 100.000 đồng/báo cáo.

5. Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho người trực tiếp phục vụ bầu cử:

5.1. Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử:

a) Chi bồi dưỡng theo mức khoán/tháng

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử và ủy viên Ủy ban bầu cử được phân công làm công tác tổng hợp:

+ Cấp tỉnh: 1.100.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 600.000 đồng/người/tháng;

- Ủy viên Ủy ban bầu cử và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: 600.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 400.000 đồng/người/tháng;

Thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ.

b) Đối với các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp không quá 15 ngày: 50.000 đồng/người/ngày;

- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp trên 15 ngày: 1.000.000 đồng/người/tháng.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)

- Các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: 150.000 đồng/người/ngày;

- Đối với lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử còn lại: 80.000 đồng/người/ngày.

5.2. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại

a) Cấp tỉnh

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh và ủy viên Ủy ban bầu cử tỉnh được phân công làm công tác tổng hợp: 300.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Uỷ ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 250.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng.

b) Cấp huyện, cấp xã

Mức khoán hỗ trợ cước điện thoại cho thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: 200.000 đồng/người/tháng.

c) Thời gian hỗ trợ cước điện thoại được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ.

6. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

- Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 40.000 đồng/người/buổi.

7. Chi đóng hòm phiếu

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu.

8. Chi khắc dấu

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa: 250.000 đồng/dấu.

9. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

10. Chi trang trí khu vực bỏ phiếu: 800.000 đồng/địa điểm.

11. Các nội dung chi khác chưa quy định cụ thể: Thực hiện theo các quy định hiện hành và thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Người đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau thì được thanh toán một mức bồi dưỡng, mức khoán, hỗ trợ cao nhất.

Những nội dung khác liên quan đến công tác lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

**Điều 3. Nguồn kinh phí:**

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Căn cứ mức chi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở ngân sách Trung ương đảm bảo, tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Ngoài kinh phí được ngân sách cấp bổ sung, các cơ quan, đơn vị sắp xếp, sử dụng một phần kinh phí từ nguồn chi thường xuyên năm 2021 đã được giao để hỗ trợ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây còn sử dụng được, huy động các phương tiện được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính, Nghị quyết này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Các công việc đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, các địa phương căn cứ mức chi này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày...tháng…năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng …. năm 2021.

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh).

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KT, TH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**SỞ TÀI CHÍNH TRÌNH KÝ**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Hải Hà**

| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ...../2021/NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

# NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**
**KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Nghị quyết này áp dụng cho các đối tượng:

Các tổ chức phụ trách bầu cử, cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Quy định mức chi**

1. Chi tổ chức hội nghị, tập huấn

- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Riêng các hội nghị do Ủy ban bầu cử các cấp tổ chức, mức chi bồi dưỡng cho đại biểu, khách mời dự hội nghị:

+ Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/ngày.

+ Cấp huyện, cấp xã: 60.000 đồng/người/ngày.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

+ Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác *(không bao gồm các cuộc họp quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này)*:

+ Chủ trì: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên: 50.000 đồng/người/buổi;

+ Đối tượng phục vụ: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban bầu cử và Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Chi bồi dưỡng:

+ Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên chính thức: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp: 50.000 đồng/người/buổi; phục vụ gián tiếp *(lái xe, bảo vệ lãnh đạo)*: 30.000 đồng/người/buổi;

- Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử và các Bộ, ngành Trung ương: 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Chi xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/báo cáo.

+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản, chi công tác báo cáo bầu cử:

a) Chi xây dựng văn bản (chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn):

- Xây dựng văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): cấp tỉnh 1.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện 500.000 đồng/văn bản; cấp xã 200.000 đồng/văn bản;

- Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

b) Chi công tác báo cáo bầu cử:

- Báo cáo tổng kết bầu cử:

+ Mức chi xây dựng báo cáo (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): cấp tỉnh 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã 500.000 đồng/báo cáo;

+ Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản;

- Các báo cáo khác (tính đến sản phẩm cuối cùng): cấp tỉnh 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 200.000 đồng/báo cáo; cấp xã 100.000 đồng/báo cáo.

5. Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho người trực tiếp phục vụ bầu cử:

5.1. Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử:

a) Chi bồi dưỡng theo mức khoán/tháng

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử và ủy viên Ủy ban bầu cử được phân công làm công tác tổng hợp:

+ Cấp tỉnh: 1.100.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 600.000 đồng/người/tháng;

- Ủy viên Ủy ban bầu cử và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: 600.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: 400.000 đồng/người/tháng;

Thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ.

b) Đối với các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp không quá 15 ngày: 50.000 đồng/người/ngày;

- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp trên 15 ngày: 1.000.000 đồng/người/tháng.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)

- Các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: 150.000 đồng/người/ngày;

- Đối với lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử còn lại: 80.000 đồng/người/ngày.

5.2. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại

a) Cấp tỉnh

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh và ủy viên Ủy ban bầu cử tỉnh được phân công làm công tác tổng hợp: 300.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Uỷ ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 250.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng.

b) Cấp huyện, cấp xã

Mức khoán hỗ trợ cước điện thoại cho thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: 200.000 đồng/người/tháng.

c) Thời gian hỗ trợ cước điện thoại được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ.

6. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

- Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 40.000 đồng/người/buổi.

7. Chi đóng hòm phiếu

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu.

8. Chi khắc dấu

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa: 250.000 đồng/dấu.

9. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

10. Chi trang trí khu vực bỏ phiếu: 800.000 đồng/địa điểm.

11. Các nội dung chi khác chưa quy định cụ thể: Thực hiện theo các quy định hiện hành và thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Người đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau thì được thanh toán một mức bồi dưỡng, mức khoán, hỗ trợ cao nhất.

Những nội dung khác liên quan đến công tác lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài

chính.

**Điều 3. Nguồn kinh phí:**

- Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

- Căn cứ mức chi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở ngân sách Trung ương đảm bảo, tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Ngoài kinh phí được ngân sách cấp bổ sung, các cơ quan, đơn vị sắp xếp, sử dụng một phần kinh phí từ nguồn chi thường xuyên năm 2021 đã được giao để hỗ trợ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây còn sử dụng được, huy động các phương tiện được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính, Nghị quyết này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Các công việc đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, các địa phương căn cứ mức chi này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày...tháng…năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng …. năm 2021.

**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT;

**SỞ TÀI CHÍNH TRÌNH KÝ**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Hải Hà**

**BIỂU GIẢI TRÌNH**

**Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa VIV – Khóa XV và bầu cử đại biểu HĐ nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2016-2021 và nhiệm kỳ 2021-2026**

| STT | Nội dung | Thông tư cũ 06/2016/TT-BTC | Thông tư mới 102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ) 12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(4)-(3) |
| 1 | Chi tổ chức hội nghị, tập huấn: | | | | | |
| | - Chi hội nghị | | | | | |
| | | *Theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính* | *Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính* | *Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh* | *Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của HĐND tỉnh* | |
| | *Riêng các hội nghị do Ủy ban bầu cử các cấp tổ chức:* | *Các hội nghị do HĐ bầu cử quốc gia triệu tập áp dụng theo chế độ chi phục vụ kỳ họp Quốc hội gần nhất đối với các nội dung: ăn, nghỉ, giải khát, bồi dưỡng đại biểu tham dự.* | *Các hội nghị do HĐ bầu cử quốc gia triệu tập áp dụng theo chế độ chi phục vụ kỳ họp Quốc hội gần nhất đối với các nội dung: ăn, nghỉ, giải khát, bồi dưỡng đại biểu tham dự.* | *Các hội nghị do Ủy ban bầu cử các cấp tổ chức, mức chi bồi dưỡng cho đại biểu, khách mời dự hội nghị:*<br>*+ Cấp tỉnh: 50.000 đ/người/ngày;*<br>*+ Cấp huyện, cấp xã: 30.000 đ/người/ngày.* | *các hội nghị do Ủy ban bầu cử các cấp tổ chức, mức chi bồi dưỡng cho đại biểu, khách mời dự hội nghị:*<br>*+ Cấp tỉnh: 80.000 đ/người/ngày.*<br>*+ Cấp huyện, cấp xã: 60.000 đ/người/ngày.* | *Đề xuất tăng theo tỷ lệ tăng giữa NQ 14/2017/NQ-HĐND và Quyết định số 2697/QĐ-UBND* |
| | - Chi tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử | Theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính | Theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính | Không quy định | Theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh | |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Chi bồi dưỡng các cuộc họp: | | | | | |
| | | Các cuộc họp của HĐ bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của HĐ bầu cử quốc gia, Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:<br>- Chủ trì cuộc họp: 200.000 đ/người/buổi.<br>- Thành viên tham dự: 100.000 đ/người/buổi.<br>- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đ/người/buổi. | Các cuộc họp của HĐ bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của HĐ bầu cử quốc gia, Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:<br>- Chủ trì cuộc họp: 200.000 đ/người/buổi.<br>- Thành viên tham dự: 100.000 đ/người/buổi.<br>- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đ/người/buổi. | Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:<br>+ Chủ trì: 150.000 đ/người/buổi;<br>+ Thành viên: 70.000 đ/người/buổi;<br>+ Đối tượng phục vụ: 50.000 đ/người/buổi. | Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:<br>+ Chủ trì: 150.000 đ/người/buổi;<br>+ Thành viên: 70.000 đ/người/buổi;<br>+ Đối tượng phục vụ: 50.000 đ/người/buổi. | Mức chi tại Thông tư 102/2020 bằng mức chi tại TT 06/2016/ TT-BTC Đề xuất giữ nguyên theo QĐ 12 |
| | | Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:<br>- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đ/người/buổi.<br>- Thành viên tham dự: 80.000 đ/người/buổi.<br>- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đ/người/buổi. | Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:<br>- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đ/người/buổi.<br>- Thành viên tham dự: 80.000 đ/người/buổi.<br>- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đ/người/buổi. | Các cuộc họp khác:<br>+ Chủ trì: 100.000 đ/người/buổi;<br>+Thành viên: 50.000 đ/người/buổi;<br>+ Đối tượng phục vụ: 30.000 đ/người/buổi. | Các cuộc họp khác :<br>+ Chủ trì: 100.000 đ/người/buổi;<br>+ Thành viên: 50.000 đ/người/buổi;<br>+ Đối tượng phục vụ: 30.000 đ/người/buổi. | Mức chi tại Thông tư 102/2020 bằng mức chi tại TT 06/2016/ TT-BTC Đề xuất giữ nguên theo QĐ 12 |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:<br>*(Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)* | | | | | |
| | - Chi bồi dưỡng: | *-Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đ/người/buổi.*<br>*-Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đ/người/buổi.*<br>*-Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:*<br>*+ Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đ/người /buổi.*<br>*+ Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 50.000 đ/người/buổi* | *- Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đ/người/buổi.*<br>*- Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đ/người/buổi.*<br>*- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:*<br>*+ Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đ/người /buổi.*<br>*+ Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 50.000 đ/người/buổi.* | -Trưởng đoàn: 100.000 đ/người/buổi;<br>-Thành viên chính thức: 70.000 đ/người/buổi;<br>- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ:<br>+ Phục vụ trực tiếp: 50.000 đ/người/buổi;<br>+ Phục vụ gián tiếp (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 30.000 đ/người/buổi; | -Trưởng đoàn: 100.000 đ/người/buổi;<br>-Thành viên chính thức: 70.000 đ/người/buổi;<br>- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ:<br>+ Phục vụ trực tiếp: 50.000 đ/người/buổi;<br>+ Phục vụ gián tiếp (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 30.000 đ/người/buổi; | Mức chi tại Thông tư 102/2020 bằng mức chi tại TT 06/2016/ TT-BTC Đề xuất giữ nguên theo QĐ 12 |
| | - Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: | | | | | |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | - Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐ bầu cử quốc gia: 2.500.000 đ/báo cáo.<br>- Chi tham gia ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo Khoản 2 Điều 14 NQ 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức chi từ 100.000đ- 300.000 đ/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đ/người/văn bản.<br>- Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 600.000 đ/báo cáo. | - Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐ bầu cử quốc gia: 2.500.000 đ/báo cáo.<br>- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Thực hiện theo Khoản 2 Điều 14 NQ 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội , mức chi từ 100.000 đ/lần đến 300.000 đ/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đ/ng/vbản.<br>- Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 600.000 đ/b cáo. | + Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử và các Bộ, ngành Trung ương: 1.000.000đ/bcáo.<br>+ Chi tham gia ý kiến bằng văn bản: 50.000 đ/người/lần, tối đa không quá 200.000 đ/người/báo cáo.<br>+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 200.000 đ/báo cáo. | + Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử và các Bộ, ngành Trung ương: 1.000.000 đ/báo cáo.<br>+ Chi xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đ/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đ/người/báo cáo.<br>+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 200.000 đ/báo cáo. | Giữ nguyên mức chi, Chỉnh sửa nội dung *"chi tham gia ý kiến bằng văn bản"* thành *"chi xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia"* |
| 4 | Chi xây dựng văn bản, chi công tác báo cáo bầu cử: | | | | | |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư 338/2016/TT-BTC liên quan đến công tác bầu cử:<br>- Xây dựng văn bản: 2.000.000đ/vănbản<br>- Chi tham gia ý kiến - bằng văn bản: Mức chi từ 100.000đ - 300.000đngười/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đ/người/văn bản. | Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư 338/2016/TT-BTC liên quan đến công tác bầu cử:<br>- Xây dựng văn bản: 2.000.000 đ/văn bản - - Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi từ 100.000 đ/người/lần đến 300.000đ/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đ/người/văn bản. | - Chi xây dựng văn bản *(chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn)*:<br>+ Xây dựng văn bản cấp tỉnh 1.000.000đ/văn bản; cấp huyện 500.000đ/văn bản; cấp xã 200.000 đ/văn bản;<br>+ Ý kiến tham gia văn bản: 50.000đ/người/lần, tối đa không quá 200.000 đ/người/văn bản.<br>- Chi công tác báo cáo bầu cử<br>+ Báo cáo tổng kết bầu cử:<br>. Mức chi xây dựng báo: cấp tỉnh 2.000.000 đ/báo cáo; cấp huyện 1.000.000 đ/báo cáo; cấp xã 500.000 đ/báo cáo;<br>. Ý kiến tham gia văn bản: 50.000 đ/người/lần, tối đa không quá 200.000 đ/người/văn bản;<br>+ Các báo cáo khác: cấp tỉnh 300.000 đ/báo cáo; cấp huyện 200.000 đ/báo cáo; cấp xã 100.000 đ/báo cáo. | - Chi xây dựng văn bản (chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn):<br>+ Xây dựng văn bản: cấp tỉnh 1.000.000 đ/văn bản; cấp huyện 500.000 đ/văn bản; cấp xã 200.000 đ/văn bản;<br>+ Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đ/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đ/người/văn bản.<br>- Chi công tác báo cáo bầu cử:<br>+ Báo cáo tổng kết bầu cử:<br>. Mức chi xây dựng báo cáo: cấp tỉnh 2.000.000 đ/báo cáo; cấp huyện 1.000.000 đ/báo cáo; cấp xã 500.000 đ/báo cáo;<br>. Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia: 50.000 đ/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 200.000 đ/người/văn bản;<br>- Các báo cáo khác: cấp tỉnh 300.000 đ/báo cáo; cấp huyện 200.000 đ/báo cáo; cấp xã 100.000 đ/báo cáo. | Giữ nguyên mức chi, Chỉnh sửa nội dung *ý kiến bằng văn bản"* thành *"xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia"* |
| 5 | Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho người trực tiếp phục vụ bầu cử: | | | | | |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5.1 | Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử: | a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng:<br>- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐ bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban HĐ bầu cử quốc gia: Mức 2.000.000đ/người/tháng.<br>- Thành viên HĐ bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia: 1.800.000đ/người/tháng.<br>- Thành viên thuộc Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia: 1.500.000 đ/người/tháng.<br>Thời gian hưởng:theo thực tế; tối đa không quá 05 tháng. | a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng tháng đối với các đối tượng:<br>- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐ bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban HĐ bầu cử quốc gia: Mức 2.200.000đ/người/tháng.<br>- Thành viên HĐ bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia; Thường trực Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia: 2.000.000đ/người/tháng.<br>- Thành viên thuộc Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia; thành viên các Tổ giúp việc VPHĐ bầu cử quốc gia: 1.800.000 đ/người/tháng.<br>Thời gian hưởng: tính từ thời gian NQ số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập HĐ bầu cử quốc gia và NQ số 04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của HĐ bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ | a) Chi bồi dưỡng theo mức khoán/tháng tháng đối với các đối tượng:<br>- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử và ủy viên Ủy ban bầu cử được phân công làm công tác tổng hợp:<br>+ Cấp tỉnh: 1.000.000 đ/người/tháng;<br>+ Cấp huyện: 700.000 đ/người/tháng;<br>+ Cấp xã: 500.000 đ/người/tháng;<br>- Ủy viên Ủy ban bầu cử và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:<br>+ Cấp tỉnh: 700.000 đ/người/tháng;<br>+ Cấp huyện: 500.000 đ/người/tháng;<br>+ Cấp xã: 300.000 đ/người/tháng;<br>Thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc kỳ bầu cử và tối đa không quá 05 tháng. | a) Chi bồi dưỡng theo mức khoán/tháng tháng đối với các đối tượng:<br>- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử và ủy viên Ủy ban bầu cử được phân công làm công tác tổng hợp:<br>+ Cấp tỉnh: 1.100.000 đ/người/tháng;<br>+ Cấp huyện: 800.000 đ/người/tháng;<br>+ Cấp xã: 600.000 đ/người/tháng;<br>- Ủy viên Ủy ban bầu cử và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:<br>+ Cấp tỉnh: 800.000đ/người/tháng;<br>+ Cấp huyện: 600.000đ/người/tháng;<br>+ Cấp xã: 400.000đ/người/tháng;<br>Thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ. | Thời gian hưởng chế độ không ghi ngưỡng tối đa là 05 tháng, điều chỉnh mức chi do Thông tư 102/2020 có thay đổi so với TT 06/2016/ TT-BTC |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | b) Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử: 100.000 đ/người/ngày;<br>Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đ/người/tháng trên cơ sở quyết định. | b) Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử: 100.000đ/người/ngày;<br>Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đ/người/tháng | b) Đối với các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử:<br>- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp không quá 15 ngày: 50.000 đ/người/ngày;<br>- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp trên 15 ngày: 1.000.000 đ/người/tháng. | b) Đối với các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử:<br>- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp không quá 15 ngày: 50.000 đ/người/ngày;<br>- Thời gian huy động, trưng tập trực tiếp trên 15 ngày: 1.000.000 đ/người/tháng. | Mức chi tại Thông tư 102/2020 bằng mức chi tại TT 06/2016/ TT-BTC Đề xuất giữ nguên theo QĐ 12 |
| | | c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng 120.000 đ/người/ngày | c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000 đ/người/ngày | c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)<br>- Các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: 120.000 đ/người/ngày;<br>- Đối với lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử còn lại: 50.000 đ/người/ngày. | c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)<br>- Các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử theo danh sách phê duyệt của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: 150.000 đ/người/ngày;<br>- Đối với lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử còn lại: 80.000 đ/người/ngày. | Điều chỉnh mức chi do Thông tư 102/2020 có thay đổi so với TT 06/2016/ TT-BTC |
| | 5.2. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại | | | | | |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | a) Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐ bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban HĐ bầu cử quốc gia: 400.000 đ/người/tháng; | a) Mức hỗ trợ 500.000 đ/người/tháng đối với:<br>- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐ bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban HĐ bầu cử quốc gia;<br>- Thành viên HĐ bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia; thường trực tổ giúp việc cho Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thường trực giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ;<br>- Thành viên thuộc Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia. | a) Cấp tỉnh<br>- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh và ủy viên Ủy ban bầu cử tỉnh được phân công làm công tác tổng hợp: 200.000 đ/người/tháng;<br>- Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Uỷ ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 150.000 đ/người/tháng;<br>- Thành viên Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 100.000 đ/người/tháng.<br>b) Cấp huyện, cấp xã<br>Mức khoán hỗ trợ cước điện thoại cho thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: 100.000 đ/người/tháng. | a) Cấp tỉnh<br>- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh và ủy viên Ủy ban bầu cử tỉnh được phân công làm công tác tổng hợp: 300.000 đ/người/tháng;<br>- Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Uỷ ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 300.000 đ/người/tháng;<br>- Thành viên Tổ giúp việc cho Uỷ ban bầu cử tỉnh: 250.000 đ/người/tháng.<br>b) Cấp huyện, cấp xã<br>Mức khoán hỗ trợ cước điện thoại cho thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: 200.000 đ/người/tháng. | Điều chỉnh tăng mức chi do Thông tư 102/2020 có thay đổi so với TT 06/2016/ TT-BTC |
| | | b) Thành viên HĐ bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia; thường trực tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo công tác bầu cử của Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thường trực giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ: 300.000 đ/người/tháng; | | | | |
| | | c) Thành viên thuộc Văn phòng HĐ bầu cử quốc gia: 200.000 đ/người/tháng; | | | | |
| | | d) Trường hợp cần thiết khác: mức khoán tối đa không quá 200.000 đ/người/tháng; | b) Trường hợp cần thiết khác: 300.000 đ/người/tháng; | | | |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | đ) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động theo thực tế nhưng tối đa không quá 5 tháng. | c) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm NQ số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập HĐồng bầu cử quốc gia và NQ số 04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của HĐồng bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi HĐồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. | c) Thời gian hỗ trợ cước điện thoại được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc kỳ bầu cử và tối đa không quá 05 tháng | c) Thời gian hỗ trợ cước điện thoại được tính từ ngày có quyết định thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ. | |
| 6 | Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử: | - Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi. | - Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi. | - Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 40.000 đồng/người/buổi. | - Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;<br>- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 40.000 đồng/người/buổi. | Mức chi tại Thông tư 102/2020 bằng mức chi tại TT 06/2016/ TT-BTC Đề xuất giữ nguyên theo QĐ 12 |
| *7* | Chi đóng hòm phiếu | Mức chi không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu. | Mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu. | Mức chi không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu. | Mức chi không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu. | Đề xuất giữ nguyên theo QĐ 12 |

| STT | Nội dung | Thông tư cũ<br>06/2016/TT-BTC | Thông tư mới<br>102/2020/TT-BTC | Mức chi của tỉnh Quảng Trị (cũ)<br>12/2016/QĐ-UBND | Mức chi tỉnh Quảng Trị đề xuất (mới) | C.lệch mức mới-cũ (tỉnh) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Chi khắc dấu | Mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu | mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu. | Mức chi tối đa: 250.000 đồng/dấu | Mức chi tối đa: 250.000 đồng/dấu. | Đề xuất giữ nguyên theo QĐ 12 |
| 9 | Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: | | Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng. | | Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng. | Bổ sung theo Thông tư 102/2020 |
| 10 | Chi trang trí khu vực bỏ phiếu | | | Mức chi: 800.000 đồng/địa điểm. | Mức chi: 800.000 đồng/địa điểm. | Đề xuất giữ nguyên theo QĐ 12 |
| 11 | Các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật khác | Văn phòng HĐồng bầu cử quốc gia phối hợp với Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện. | Văn phòng HĐồng bầu cử quốc gia phối hợp với Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện. | Thực hiện theo các quy định hiện hành và thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Thực hiện theo các quy định hiện hành và thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | |